

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 7 - 2025

V/v: “Ly hôn; Tranh chấp về nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Văn Lợi và bà Nguyễn Thị Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa tham gia phiên
tòa:** bà Tài Thị Cao Sâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2025 về “Ly hôn; Tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** chị Mai Thị Kim T - sinh năm 1990 (có mặt);
Địa chỉ: thôn A, xã P, tỉnh Khánh Hòa.
2. **Bị đơn:** anh Đặng Lê S - sinh năm 1985 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt);
Địa chỉ: Thôn A, xã P, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Mai Thị Kim T trình bày:

Chị và anh Đặng Lê Sinh S1 chung vợ chồng từ năm 2008, tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N (nay là xã P, tỉnh Khánh Hòa) vào năm 2008 và sinh sống tại Thôn B, xã P, tỉnh Khánh Hòa. Chị và anh S có 02 (Hai) con chung tên là Đặng Lê A, sinh ngày 21/10/2010 và Đặng Thị Mỹ H, sinh ngày 09/10/2019, hiện các con đang sống cùng với chị. Quá trình sống chung ban đầu hạnh phúc, đến năm 2010 thì bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và anh S thường xuyên nhậu nhẹt và đánh đập chửi mắng chị. Hiện nay, anh S đang chấp hành án tại Trại giam S2. Hiện nay, chị làm công nhân thu nhập hàng tháng 9.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín triệu đồng) đủ khả năng để nuôi con. Do tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn anh Đặng Lê S; Về con chung: chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên

Đặng Lê A, Đặng Thị Mỹ H và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, anh Đặng Lê S trình bày:

Anh xác nhận về quan hệ hôn nhân, con chung và quá trình chung sống vợ chồng giữa anh với chị Mai Thị Kim T đúng như chị T trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng anh xác nhận có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý. Do anh không đồng ý ly hôn nên anh không có ý kiến gì về con chung; Về tài sản chung, nợ chung: không có ý kiến gì.

Do hiện nay anh đang chấp hành án tại Trại giam S2 nên anh Đặng Lê S xin vắng mặt trong tất cả các giai đoạn tố tụng trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Mai Thị Kim T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Kim T; Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn chị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị Mai Thị Kim T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn anh Đặng Lê S và yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, đây là vụ án về Hôn nhân và Gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Anh Đặng Lê S hiện đang cư trú tại thôn A, xã P, tỉnh Khánh Hòa. Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Đặng Lê S đã có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét

[3]. *Về nội dung vụ án:*

[3.1]. Căn cứ Trích lục kết hôn số 65/TLKH-BS ngày 11/3/2025 của UBND xã N (nay là xã P, tỉnh Khánh Hòa) (BL 01), thể hiện: chị Mai Thị Kim T và anh Đặng Lê S có đăng ký kết hôn số: 06/2008 ngày 01/4/2008 tại UBND xã N. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của chị T và anh S là hôn nhân hợp pháp, thời điểm kết hôn vào ngày 01/4/2008, có đủ các điều kiện kết hôn quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[3.2]. Quá trình chung sống vợ chồng, nguyên đơn chị T cho rằng chị và anh S bất đồng quan điểm sống và trước đây anh S thường xuyên nhậu nhẹt và đánh đập chửi mắng chị. Anh S cũng thừa nhận trong quá trình vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn không lớn nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T. Do hiện nay chị T và anh S không còn sống chung với nhau vì anh S đang chấp hành án tại Trại giam S2 nên vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; chị T xác nhận không còn tình cảm vợ chồng với anh S. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu ly hôn anh S là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3]. Về con chung: Chị T và anh S xác nhận có 02 con chung tên Đặng Lê A; Đặng Thị Mỹ H. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Do hiện nay anh S đang chấp hành án tại Trại giam S2 nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung là cháu A và cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cũng phù hợp với nguyện vọng được sống chung với chị T của cháu A nên yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị T là có căn cứ nên được chấp nhận. Do chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Khánh Hòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Các điều 28, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Các điều 8, 9, 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều

27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị Kim T.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Mai Thị Kim T được ly hôn anh Đặng Lê S.

2. Về con chung: Giao cho chị Mai Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên là Đặng Lê A, sinh ngày 21/10/2010 và Đặng Thị Mỹ H, sinh ngày 09/10/2019. Anh Đặng Lê S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Mai Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị T đã nộp theo Biên lai thu số **0004871 ngày 18/3/2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam (nay là Phòng THADS khu vực 8). Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.**

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tổng đạt được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 8 - Khánh Hòa;
- Phòng THADS khu vực 8;
- UBND xã Phước Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quốc Tâm

